

Bản án số: 190/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2023/QĐ-ST ngày 10/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Huy B, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi cư trú cuối cùng của anh B tại Việt Nam: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Đỗ Huy B được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh B làm dâu và

chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 5 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị cùng con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Tháng 3/2023 anh B đi nước ngoài nhưng không bàn bạc hay thông báo cho chị biết. Kể từ tháng 5/2020 đến nay chị và anh B không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Huy B

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Đỗ Cao P, sinh ngày 21/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu P cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị trình bày do bận công việc nên chị không tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh B được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử vụ án, chị đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

Anh Đỗ Huy B là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 26/6/2023 và 06/7/2023, ông Đỗ Đức N (tên gọi khác Đỗ Văn N) là bố đẻ anh Đỗ Huy B cung cấp:

Về hôn nhân của anh B, chị N: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị N về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận. Anh, chị chung sống hòa thuận đến tháng 5/2020 anh B, chị N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào ông không biết.

Về con chung: Anh B, chị N có 01 con chung là cháu Đỗ Cao P, sinh ngày 21/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị N.

Ngoài ra, ông N cung cấp anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Nên ông không có địa chỉ để cung cấp cho Tòa án địa chỉ của anh B ở nước ngoài. Tòa án yêu cầu ông thông báo thụ lý vụ án cho anh B ông đồng ý.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đỗ Huy B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hoàng Thị N; biên bản lấy lời khai của ông N là bố đẻ anh Đỗ Huy B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N.

Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Đỗ Huy B.

Về con chung: Do anh B hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Cao P, sinh ngày 21/01/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị N khởi kiện xin ly hôn anh B và đề nghị giải quyết nuôi con. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn chị Hoàng Thị N khởi kiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh Đỗ Huy B ở nước ngoài. Tại Công văn số 14770/QLXNC-P5 ngày 14/6/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Đỗ Huy B, sinh ngày 21/12/1986 đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 06/4/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh B được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh B là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông Nụ là bố đẻ anh B, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh B trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh B thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh B biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị N và bị đơn là anh Đỗ Huy B. Gia đình anh B cho biết anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh B không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Đỗ Huy B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn anh Đỗ Huy B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N, anh B chung sống hòa thuận đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị N cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ đó đến nay chị và anh B không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Năm 2023 anh B đi lao động nước ngoài nhưng không bàn bạc với chị N. Như vậy, vợ chồng chị N, anh B không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Đỗ Huy B là có căn cứ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về nuôi con chung: Chị N, anh B có 01 con chung là cháu Đỗ Cao Phong, sinh ngày 21/01/2019. Hiện nay cháu P đang sinh sống cùng chị N. Sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh B đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, kể từ khi cháu P được sinh ra cho đến nay chị N vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Huy B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Trường hợp anh Đỗ Huy B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc quyền lợi chính đáng của con chung, anh B, chị N có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9] Về quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đỗ Huy B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Đỗ Huy B.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Cao P, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Huy B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005399 ngày 08/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Đỗ Huy B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

